

Số: 10/2011/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU MỘT SỐ LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định về Lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư liên bộ số 62/TT-LB ngày 23 tháng 7 năm 1993 của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thu và quản lý, sử dụng tiền cước qua phà, cầu phao;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Sau khi xem xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố: Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung mức thu một số loại phí; Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 về việc Quy định tỷ lệ thu Lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe); Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2011 về việc bãi bỏ nội dung quy định về phí dự thi, dự tuyển tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; Các báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách: Báo cáo số 68/BC-HĐND-KTNS, Báo cáo số 69/BC-HĐND-KTNS, Báo

cáo số 70/BC-HĐND-KTNS, Báo cáo số 71/BC-HĐND-KTNS, Báo cáo số 73/BC-HĐND-KTNS, Báo cáo số 74/BC-HĐND-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2011; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu một số loại phí, lệ phí

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 như sau:

STT	DANH MỤC KHOÁNG SẢN	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU (đồng)
1	Các loại cát khác	m ³	3.000
2	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
3	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	1.800

Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định ở danh mục trên.

Đối với các loại khoáng sản ngoài danh mục nêu trên, nếu có phát sinh trên địa bàn thành phố Cần Thơ thì áp dụng mức thu trung bình theo khung quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

2. Lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Mức thu:

a) Trường hợp cấp mới, cấp lại do hết hạn sử dụng Giấy phép:

- Đối với tổ chức: 200.000 đồng/Giấy phép.

- Đối với cá nhân: 100.000 đồng/Giấy phép.

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại (do mất, hỏng hoặc có thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép): 50.000 đồng/lần cấp.

3. Mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe)

Mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) là 12% (mười hai phần trăm).

4. Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

Mức thu

a) Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

STT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP LỆ PHÍ	MỨC THU (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
4	Xoá đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000

b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

- Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án) là 30.000 đồng/trường hợp.

- Không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung mức thu một số loại phí

1. Đối với phí chợ

Bổ sung khoản 3 vào Mục I, Phần A (Phí chợ) của Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, như sau:

“3. Đối với chợ được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không từ ngân sách nhà nước hoặc các nguồn viện trợ không hoàn lại, có thể áp dụng mức thu cao hơn nhưng tối đa không quá 02 (hai) lần mức thu quy định tại khoản 1, khoản 2 mục này.”

2. Đối với phí qua phà, qua đò

Sửa đổi khoản 2, mục VII, phần A (phí qua đò) của Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ và mục II, phần A (phí qua phà) của Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, như sau:

STT	DANH MỤC	MỨC THU TỐI ĐA đồng/người/chuyến
1	Phí qua phà	
a)	Đối với người	1.000
b)	Đối với người và phương tiện hành lý	
	- Người và xe gắn máy	3.500
	- Người và xe đạp	2.000
	- Người kèm theo hành lý (chiếm diện tích trên 1m2 hoặc trên 100 kg)	2.000
2	Phí qua đò	
a)	Đối với người	
	+ Đò ngang:	1.000
	+ Đò dọc:	2.000
	Chiều dài của tuyến sông đến 2 km	
	(Nếu chiều dài tuyến sông dài hơn 2 km, thì cứ 1 km thu thêm 500 đồng)	
b)	Đối với người và phương tiện	
	+ Đò ngang:	
	- Người và xe đạp	1.500
	- Người và xe máy	2.500
	+ Đò dọc:	
	- Người và xe đạp	2.000
	- Người và xe máy	3.000
	(Nếu chiều dài tuyến sông trên 2 km, thì cứ 1 km thu thêm 1.000 đồng)	

Miễn phí sử dụng đò, phà đối với thương bệnh binh, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi, xe dọn vệ sinh và các đối tượng được quy định tại tiết a), khoản 2, Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí.

Điều 3. Bãi bỏ một số nội dung phí, lệ phí

Bãi bỏ Khoản 1, Mục III, Phần A (Phí dự thi, dự tuyển) Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố; Điểm a, Khoản 2 (Phí dự thi, dự tuyển) Điều 1 của Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Bãi bỏ Mục II, Phần A (Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm), Mục II, Phần B (Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm) tại Danh mục và mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc bổ sung danh mục và mức thu phí, lệ phí.

Bãi bỏ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

Căn cứ vào mức thu của các loại phí, lệ phí nêu trên. Giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức thu cụ thể đối với các loại phí Hội đồng nhân dân quy định mức thu tối đa; tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí trên số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí; hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Thời gian hiệu lực

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2011; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Lợi